

Số: 95/2024/QĐST-HNGĐ

Đại Từ, ngày 21 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 407/2023/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 12 năm 2023, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đỗ Thị N, sinh năm 1986;

Địa chỉ: Xóm V, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Bị Đơn: Anh Mai Văn T, sinh năm 1985;

Địa chỉ: V, xã B, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Căn cứ vào Điều 147, khoản 1, 2 Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân & gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của UBTWQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2024;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 13 tháng 6 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Đỗ Thị N và anh Mai Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị **Đỗ Thị N** và anh **Mai Văn T** xác định tình cảm vợ chồng không còn, khó có cơ hội đoàn tụ xây dựng cuộc sống chung. Điều nhất trí thỏa thuận tình ly hôn.

2.2. *Con chung*: Chị **Đỗ Thị N** và anh **Mai Văn T** xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung: cháu **Mai Ngọc Tú U**, sinh ngày 23/4/2012; **Mai Đỗ Bảo N1**, ngày 12/11/2015. Chị **N**, anh **T** nhất trí thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn như sau:

Giao cả hai con chung là cháu **Mai Ngọc Tú U**, sinh ngày 23/4/2012 và cháu **M Đỗ Bảo N1**, ngày 12/11/2015 cho chị **Đỗ Thị N** trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi) có khả năng lao động hoặc đến khi có sự thay đổi người nuôi dưỡng theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị **N** không yêu cầu anh **T** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh **T** cho đến khi có yêu cầu hoặc khi có sự thay đổi cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định của pháp luật.

2.3. *Về tài sản chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.4. *Khoản nợ chung, cho vay chung*: Không có, không đặt ra việc giải quyết.

2.5. *Án phí*: Chị **Đỗ Thị N** và anh **Mai Văn T** thỏa thuận: Chị **N** tự nguyện nhận nộp toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng). Chị **N** được đối trừ vào khoản tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005255 ngày 18/12/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đại Từ. Chị **N** được trả lại 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND tỉnh Thái Nguyên;

THẨM PHÁN

- VKSND huyện Đại Từ;
- THADS huyện Đại Từ;
- Cổng thông tin điện tử của Tòa án;
- UBND xã Bản Ngoại, huyện Đại Từ (ĐKKH số 52, quyền số 01/2011 ngày 03/10/2011);
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Thu Hà